

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 2 Năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

ĐVT: VND

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU NĂM	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	396,812,391,977	405,462,397,552
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	62,606,453,500	66,697,932,253
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	69,341,666,667	131,341,666,667
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	67,333,713,191	90,282,823,253
4	Hàng tồn kho	196,823,985,719	116,248,732,308
5	Tài sản ngắn hạn khác	706,572,900	891,243,071
II	Tài sản dài hạn	109,122,879,406	120,141,768,145
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	75,935,211,947	89,419,625,757
	- Tài sản cố định hữu hình	58,349,916,144	82,592,157,516
	- Tài sản cố định vô hình	1,623,952,827	1,313,803,707
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15,961,342,976	5,513,664,534
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	241,000,000	241,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	32,946,667,459	30,481,142,388
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		505,935,271,383	525,604,165,697
III	Nợ phải trả	195,526,857,802	158,629,196,291
1	Nợ ngắn hạn	194,060,740,666	157,044,486,537
2	Nợ dài hạn	1,466,117,136	1,584,709,754
IV	Vốn chủ sở hữu	310,408,413,581	366,974,969,406
1	Vốn chủ sở hữu	306,224,719,692	358,441,054,530
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	165,000,000,000	165,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	62,290,000,000	62,290,000,000
	- Cổ phiếu quỹ	(12,743,682,257)	(19,108,001,903)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-

	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	
	- Các quỹ	50,685,685,953	70,938,036,496
	- Lợi nhuận chưa phân phối	40,992,715,996	79,321,019,937
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	4,183,693,889	8,533,914,876
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,183,693,889	8,533,914,876
	- Nguồn kinh phí	-	
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		505,935,271,383	525,604,165,697

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

ĐVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	346,791,802,244	630,536,776,525
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		213,132,200
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	346,791,802,244	630,323,644,325
4	Giá vốn hàng bán	235,116,789,704	445,538,329,494
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	111,675,012,540	184,785,314,831
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,319,036,025	5,471,745,627
7	Chi phí tài chính	19,639,093,588	38,565,390,696
8	Chi phí bán hàng	24,281,981,565	41,169,314,661
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,652,793,935	9,426,282,314
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	64,420,179,477	101,096,072,787
11	Thu nhập khác	127,116,498	217,995,949
12	Chi phí khác		56,450,000
13	Lợi nhuận khác	127,116,498	161,545,949
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64,547,295,975	101,257,618,736
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8,068,411,997	12,657,202,342
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56,478,883,978	88,600,416,394
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,507	5,490

Lập ngày 21 tháng 07 năm 2009